**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ 1**

**MÔN ĐỊA 9**

**Năm học: 2021 - 2022**

**Câu 1: Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên sông nào sau đây?**

A. Sông Chảy B. Sông Gâm

C. Sông Lô **D.** Sông Đà

**Câu 2: Trung tâm công nghiệp luyện kim lớn nhất ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là:**

A. Bắc Giang B. Lạng Sơn

C. Hạ Long **D.** Thái Nguyên

**Câu 3:** **Hai trung tâm kinh tế lớn nhất của vùng đồng bằng sông Hồng là**

A. Hà Nội, Hạ Long. **B.** Hà Nội, Hải Phòng

C. Hà Nội, Hải Dương D. Hà Nội, Bắc Ninh

**Câu 4: Trung tâm kinh tế nào sau đây không thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ?**

**A.** Huế B. Đà Nẵng

C. Nha Trang D. Quy Nhơn

**Câu 5: Các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển dựa trên cơ sở**

**A.** nguồn lao động dồi dào B. nhu cầu thị trường

C. nguồn nguyên liệu tại chỗ D. nguồn nguyên liệu nhập

**Câu 6: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có diện tích**

A. 100.659 km2. B. 14.860 km2.

C. 100.569 km2. **D.** 100.965 km2.

**Câu 7: Vùng TD&MNBB có thế mjanh trong việc trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, cây cận nhiệt và ôn đới nhờ điaàu kiện chủ yếu nào sau đây?**

**A.** Đất feralit trên đá vôi có diện tích rộng B. Công nghiệp chế biến phát triển

C. Địa hình đồi trung du bằng phẳng D. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh

**Câu 8: Năm 2019, dân số vùng đồng bằng sông Hồng**

A. 20,2 triệu người. **B.** 22,5 triệu người.

C. 21,5 triệu người. D. 21 triệu người.

**Câu 9: Chăn nuôi lợn ở TD&MNBB phát triển nhất ở?**

A. Tây Bắc B. Đông Bắc

C. Miền núi **D.** Trung du

**Câu 10: Dân số TP. Hồ Chí Minh tính đến năm 2019 là bao nhiêu**

A. 8,2 triệu người. B. 7,5 triệu người.

**C.** Hơn 8,9 triệu người. D. Hơn 7 triệu người.

**Câu 11:** **Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên sông nào sau đây?**

A. Sông Chảy B. Sông Gâm

C. Sông Lô **D.** Sông Đà

**Câu 12:** **Các nhà máy nhiệt điện nằm ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là**

A. Uông Bí, Na Dương, Thác Bà **B.** Phả Lại, Uông Bí, Na Dương

C. Na Dương, Ninh Bình, Uông Bí D. Uông Bí, Cẩm Phả, Ninh Bình

**Câu 13: Cây chiếm tỉ trọng lớn nhất về diện tích và sản lượng so với cả nước ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:**

A. Điều B. Cao su

C. Cà phê **D.** Chè

**Câu 14: Khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây được xây dựng tại khu vực biên giới Việt – Lào?**

A. Lào Cai **B.** Tây Trang

C. Thanh Thủy D. Trả Lĩnh

**Câu 15: Hoạt động nào sau đây không được phát triển mạnh ở vùng biển Quảng Ninh?**

A. Nuôi trồng thủy sản B. Đánh bắt hải sản

**C.** Khai thác khoáng sản D. Du lịch biển – đảo

**Câu 16:** **Thuận lợi chủ yếu trong việc nuôi trâu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:**

**A.** Có nhiều đồng cỏ trên cao nguyên B. Có mùa đông lạnh nhất nước ta

C. Địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế D. Thị trường có nhu cầu lớn

**Câu 17:** **Tính đa dạng về cơ cấu sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ thể hiện ở chỗ**

A. Cây lương thực, cây công nghiệp và cây ăn quả

B. Cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp

**C.** Cây nhiệt đới, cây cận nhiệt và cây ôn đới

D. Cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu

**Câu 18: Ngành công nghiệp năng lượng của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có điều kiện để phát triển mạnh nhờ**

**A.** Nguồn thủy năng và nguồn than phong phú

B. NNguồn thủy năng và dầu khí phong phú

C. Cơ sở nhiên liệu dồi dào từ than và khí

D. Khai thác tiềm năng thủy điện trên sông Hồng

**Câu 19:** **Năng suất lúa đồng bằng sông Hồng cao nhất nước ta là do**

A. Diện tích lớn nhất. B. Sản lượng lớn nhất.

**C.** Trình độ thâm canh cao. D.Dân số đông nhất.

**Câu 20:** **Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành công nghiệp ở đồng bằng sông Hồng?**

A. Hình thành sớm nhất Việt Nam.

**B.** Giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất cả nước.

C. Có tốc độ tăng trưởng nhanh.

D. CN.chế biến lương thực, thực phẩm là ngành trọng điểm.

**Câu 21:** **Khó khăn nào sau đây gây trở ngại lớn nhất đến sản xuất lương thực đồng bằng sông Hồng hiện nay?**

A. Diện tích đất canh tác giảm. B. Thiên tai thường xảy ra.

C. Ô nhiễm môi trường. **D.** Dân số quá đông.

**Câu 22: Năng suất lúa ĐBSH cao nhất nước ta là do**

A. diện tích lớn nhất. B. sản lượng lớn nhất.

C. trình độ thâm canh cao. D.dân số đông nhất.

**Câu 23:** **Thế mạnh về tự nhiên tạo cho đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là**

A. Đất phù sa màu mỡ B. Nguồn nước mặt phong phú

**C.** Có mùa đông lạnh D. Địa hình bằng phẳng.

**Câu 24: Những địa điểm du lịch hấp dẫn không phải của ĐBSH là**

A. Chùa Hương, Tràng An. **B.** Hạ Long, Cát Bà.

C. Cúc Phương, Côn Sơn. D. Tam Đảo, Ao Vua.

**Câu 25: Biện pháp nào sao đây góp phần hạn chế hậu quả do thiên tai gây ra ở vùng Bắc Trung Bộ**

A. Xây dựng các công trình thủy điện.

**B.** Xây dựng các công trình thủy lợi, trồng rừng và bảo vệ rừng.

C. Phát triển kinh tế.

D. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

**Câu 26:** **Thế mạnh trong việc phát triển ngành trồng trọt ở vùng gò đồi phía Tây của vùng Bắc Trung Bộ là**

**A.** Cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm. B. Cây công nghiệp hàng năm và lúa.

C. Cây công nghiệp lâu năm và hoa màu. D. Cây ăn quả và cây công nghiệp hàng năm

**Câu 27: Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ với vùng ĐBSH và DHNTB lần lượt là**

**A.** dãy núi Tam Điệp và Bạch Mã. B. dãy núi Tam Điệp và đèo Ngang.

C. sông Cả và dãy núi Bạch Mã. D. sông Mã và sông Bến Hải.

**Câu 28:** **Những ngành công nghiệp sau đây ngành nào là ngành quan trọng hàng đầu của Bắc Trung Bộ:**

A. Khai khoáng và chế biến hải sản. B. Khai khoáng và sản xuất hàng tiêu dùng.

**C.** Sản xuất vật liệu xây dựng và khai khoáng. D. Sản xuất vật liệu xây dựng và cơ khí.

**Câu 29:** **Những thành phố sau thành phố nào có điều kiện là hạt nhân để hình thành trung tâm công nghiệp và dịch vụ của cả vùng Bắc Trung Bộ**

A. Thanh Hóa. B. Huế.

C. Đà Nẵng.  **D.** Vinh.

**Câu 30:** **Khó khăn nào sau đây *không phải* là khó khăn trong sản xuất lương thực của vùng Bắc Trung Bộ là:**

A. Đồng bằng hẹp **B.** Người dân có kinh nghiệm sản xuất.

C. Đất đai kém màu mỡ D. Nhiều thiên tai

**Câu 31: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Bắc Trung Bộ?**

A. Thanh Hóa. B. Nghệ An.

C. Thừa Thiên – Huế.  **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 32: Những địa điểm du lịch sau đây địa điểm nào là địa điểm du lịch tại TP. Hồ Chí Minh.**

A. Dinh Độc Lập, Cố đô Huế. B. Thành Nhà Hồ, Địa đạo Củ Chi.

**C.** Địa đạo Củ Chi, Bến Nhà Rồng. D. Dinh Độc Lập, Di tích Mỹ Sơn.

**Câu 33: Các dạng địa hình từ tây sang đông của các tỉnh ở Bắc Trung Bộ là**

A. đồng bằng, gò đồi, núi, biển, hải đảo**. B.** núi, gò đồi, đồng bằng, biển, hải đảo.

C. biển, hải đảo, đồng bằng, núi, gò đồi. D. biển, hải đỏa, gò đồi, đồng bằng, núi.

**Câu 34: Di sản văn hóa thế giới ở vùng Bắc Trung Bộ đã được UNESCO công nhận là**

A. Phong Nha – Kẻ Bàng.  **B.** Cố đô Huế.

C. Phố cổ Hội An. D. Di tích Mĩ Sơn.

**Câu 35:** **Khó khăn của tài nguyên đất ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ là**

A. Đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn. B. Diện tích đất trống, đồi núi trọc nhiều.

**C**. Quỹ đất nông nghiệp hạn chế D. Vùng đồng bằng độ dốc lớn

**Câu 36:** **Trong các ngành kinh thế sau đây, ngành nào có thế mạnh ở Duyên hải Nam Trung Bộ?**

**A.** Ngư nghiệp B. Nông nghiệp

C. Lâm nghiệp D. Công nghiệp

**Câu 37:** **Ý nào sau đây không đúng về nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ?**

A. Mực, tôm, cá đông lạnh là các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu.

B. Chiếm hơn ¼ giá trị thủy sản khai thác của cả nước.

**C.** Cá biển chiếm sản lượng nhỏ trong sản lượng tổng thủy sản.

D. Có nhiều bãi tôm, bãi cá tập trung ở các ngư trường.

**Câu 38: Dựa vào Tập bản đồ địa lí 9 trang 23, cho biết crôm được khai thác ở tỉnh nào sau đây?**

**A.** Thanh Hóa. B. Nghệ An.

C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

**Câu 39:** Các địa điểm du lịch nổi tiếng không thuộc Bắc Trung Bộ là

A. Sầm Sơn, Thiên Cầm. **B.** Vân Phong, Non Nước.

C. Nhật Lệ, Lăng Cô. D. Cố đô Huế, Phong Nha – Kẻ Bàng.

**Câu 40: Cho bảng số liệu:**

Một số sản phẩm nông nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ qua các năm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Tiêu chí** | **1995** | **2000** | **2005** | **2010** | **2017** |
| Đàn bò (nghìn con) | 1026,0 | 1132,6 | 1293,3 | 1322,9 | 1268,9 |
| Thủy sản (nghìn tấn) | 339,4 | 462,9 | 623,9 | 748,1 | 1077,4 |

**Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên:**

A. Thủy sản có xu hướng tăng, đàn bò tăng chậm qua các năm

B. Đàn bò có xu hướng giảm mạnh, thủy sản có xu hướng tăng mạnh.

C. Đàn bò có xu hướng tăng liên tục, thủy sản có xu hướng tăng mạnh.

**D.** Thủy sản có xu hướng tăng liên tục, đàn bò có xu hướng giảm giai đoạn từ 2010 đến 2017.

**Câu 41: Hai quần đảo nào trực thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có ý nghĩa rất lớn đối với chủ quyền biền đảo nước ta**

A. Hoàng Sa, Phú Qúy B. Hoàng Sa, Lý Sơn.

**C.** Trường Sa, Hoàng Sa D. Phú Qúy, Cát Bà.

**Câu 42: Nhà máy lọc dầu Dung Quất thuộc tỉnh nào của DHNTB?**

**A.** Quảng Ngãi B. Bình Đình

C. Phú Yên D. Quảng Nam

**Câu 43: Một số biển nổi tiếng của DHNTB là:**

A. Mỹ Khê, La Huỳnh, Lăng Cô. B. Mũi Né, Nha Trang, Vũng Tàu.

C. Thiên Cầm, Vân Phong, Quy Nhơn**. D.** Non Nước, Nha Trang, Mũi Né.

**Câu 44: Dựa vào kiến thức đã học, em hãy ghép nối các đặc điểm phù hợp với các ĐKTN và TNTN của vùng Bắc Trung Bộ.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên** |  | **Đặc điểm** |
| 1. Sông ngòi | A. Phù sa chiếm diện tích lớn, thuận lơi thâm canh lúa nước, cây lương thực, rau màu. |
| 2. Khí hậu | B. Khoáng sản có giá trị đáng kể: Đá vôi, than nâu, khí tự nhiên. Vùng vịnh Bắc Bộ giàu tiềm năng. |
| 3. Đất | C. Dày đặc với nhiều sông lớn, Bồi đắp phù sa, cung cấp nước trong tưới tiêu, sinh hoạt. |
| 4. Tài nguyên | D. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, thích hợp trồng các loại cây ưa lạnh. |

A. 1-D, 2-B, 3-A, 4 -C. B. 1-A, 2-C, 3-D, 4-B.

**C.** 1-C, 2-D, 3-A, 4-B. D. 1-C,2-A, 3-D, 4-B.

**Câu 45:** **Chọn các cụm từ sau đây để điền vào chỗ trong trong đoạn thông tin về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên vùng duyên hải Nam Trung Bộ sao cho phù hợp nhất :** hẹp ngang- kéo dài, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, núi- gò đồi

Với hình thể (.............1.........) từ Đà Nẵng đến Bình Thuận, Duyên hải Nam Trung Bộ là cầu nối (.......2......) với (..............3.......) và Đông Nam Bộ. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ đề có (...........4.......) ở phía tây, dải đồng bằng hẹp phía đông bị chia cắt bởi nhiều dãy núi đâm ngang sát biển. Bờ biển khúc khuỷu có nhiều vũng, vịnh.

1. 1- (hẹp ngang- kéo dài), 2-( Bắc Trung Bộ), 3-( Tây Nguyên), 4- (núi- gò đồi).

B. 1- (hẹp ngang- kéo dài), 3-( Tây Nguyên), 3-( Bắc Trung Bộ), 4- (núi- gò đồi).

C. 1-( Bắc Trung Bộ), 2- (hẹp ngang- kéo dài), 3-( Tây Nguyên), 4- (núi- gò đồi).

D. 1- (hẹp ngang- kéo dài), 2- (núi- gò đồi), 3-( Bắc Trung Bộ), 4-( Tây Nguyên).

**\*MỘT SỐ LƯU Ý :**

1/ HS ôn tập cả nội dung ghi bài và thông tin sgk để nắm kiến thức trọng tâm.

2/ HS in và làm câu hỏi ôn tập, chú ý đọc kĩ câu hỏi.

3/ Khi làm bài kiểm tra trực tuyến chú ý các thao tác trên máy để làm bài kiểm tra tốt nhất.

4/ **Đọc kĩ và dò lại** bài kiểm tra thật kĩ trước khi bấm nút NỘP BÀI.

Chúc các em ôn tập và làm bài kiểm tra cuối kì thật tốt !